

Số: 3950/2023/QĐST-VDS

Thành phố Thủ Đức, ngày 20 tháng 9 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v xác định cha, mẹ cho con**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Hà Thị Hoài

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hồng, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 566/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 về “Yêu cầu xác định mẹ đã chết và cha cho con” theo theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 5145/2023/QĐST-VDS ngày 14 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên họp số 6209/2023/QĐ – HPT ngày 24 tháng 8 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông **Hồ Văn D**, sinh năm: 1955

Địa chỉ thường trú: **Ấp E, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương.**

Địa chỉ liên hệ: 10A, **đường L, Khu phố A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người bị yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà **Huỳnh Song H**, sinh năm: 1977

Địa chỉ thường trú: A16.06, **Chung cư V, 207, đường L, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.**

Địa chỉ liên hệ: 10A, **đường L, Khu phố A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Huỳnh Bạch N**, sinh năm: 1956

Địa chỉ: 2, đường B, Khu phố D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu đề ngày 08/03/2023 và các tài liệu có trong hồ sơ việc dân sự, người yêu cầu ông **Hồ Văn D** trình bày: Ông và bà **Huỳnh Thanh B**, sinh năm 1957 tự nguyện về chung sống vào năm 1976. Năm 2004 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 79, quyển số 01/2004. Quá trình chung sống, ông và bà B có 04 người con chung trong đó có sinh 01 người con gái sinh ngày 15/11/1977. Tuy nhiên, tại thời điểm bà B sinh con do ông đi làm xa nên chưa kịp về làm giấy khai sinh thì mẹ vợ ông tên **Nguyễn Thị H1** đã đi làm giấy khai sinh cho con ruột của ông và bà B với tên là **Huỳnh Song H**. Nay tại Tòa, ông yêu cầu Tòa án xác định **Huỳnh Song H**, sinh ngày 15/11/1977 là con ruột của ông và bà **Huỳnh Thanh B**, sinh năm 1957. Hiện nay, bà B đã chết trong dịch Covid nên ông không tìm được mẫu thực hiện việc giám định AND để làm cơ sở giải quyết yêu cầu đối với việc xác định bà **Huỳnh Thanh B**, sinh năm 1957 là mẹ ruột của **Huỳnh Song H**, sinh ngày 15/11/1977.

Người bị yêu cầu bà **Huỳnh Song H** trình bày: Nay tại Tòa, bà đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D. Ngoài ra, bà không có ý kiến nào khác.

Tại phiên họp, bà yêu cầu Tòa án hủy giấy khai sinh số 645/1977 tên **Huỳnh Song H**, sinh ngày 15/11/1977; Tại mục Họ, chữ đệm, tên người mẹ: **Huỳnh Bạch N**, sinh năm: 1956, nơi cư trú A655, ấp chợ N1, xã T; H, chữ đệm, tên người cha: Để trống; Họ, chữ đệm, tên người đi khai sinh: **Nguyễn Thị H1**; Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 16/11/1977.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà **Huỳnh Bạch N** vắng mặt nhưng có lời khai như sau: Bà **Huỳnh Song H**, sinh ngày 15/11/1977 do bà trực tiếp nuôi từ nhỏ. Bà xác nhận giấy khai sinh số 645/1977 đăng ký ngày 16/11/1977, mục tên mẹ **Huỳnh Bạch N**, mục tên cha để trống, do bà **Nguyễn Thị H1** là bà ngoại **Huỳnh Song H** đi đăng ký là bản đúng, tại giấy khai sinh này bà **Huỳnh Bạch N** là mẹ. Đối với giấy khai sinh số 057/1977 đăng ký ngày 31/12/1977 mục tên mẹ **Huỳnh Bạch N**, mục tên cha **Nguyễn Văn T** là không đúng tên chồng bà. Tên chồng bà là **Lê Văn T1**.

Đối với yêu cầu của ông **Hồ Văn D** xác định bà **Huỳnh Song H**, sinh ngày 15/11/1977 là con ruột của **Huỳnh Thanh B**, bà không có ý kiến và bà không đồng ý cung cấp mẫu thực hiện giám định AND để giải quyết vụ án. Bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Việc ông **Hồ Văn D** yêu cầu Tòa án xác định bà **Huỳnh Song H** là con ruột của ông **Hồ Văn D** và bà **Huỳnh Thanh B** là việc riêng của cá nhân ông D, không liên quan đến bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng Điều 366, 367 của Bộ luật tố tụng tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 25, Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận 01 phần yêu cầu của người yêu cầu ông **Hồ Văn D** về việc xác định ông **Hồ Văn D** là cha ruột của bà **Huỳnh Song H**, sinh ngày 15/11/1977. Không chấp nhận yêu cầu của ông **D** về việc xác định bà **Huỳnh Thanh B**, sinh năm 1957 là mẹ ruột của bà **Huỳnh Song H**, sinh ngày 15/11/1977.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết việc dân sự:

Yêu cầu “Xác định cha, mẹ cho con” là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Người bị yêu cầu xác định cha cho con có nơi cư trú tại **thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh** nên căn cứ vào khoản 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm t khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tư cách tham gia tố tụng: Ông **Hồ Văn D** yêu cầu xác định bà **Huỳnh Song H**, sinh ngày 15/11/1977 là con ruột của ông **Hồ Văn D** và bà **Huỳnh Thanh B**. Quá trình giải quyết vụ án, ông **Hồ Văn D** cung cấp:

Bản photocopy Giấy khai sinh số 57, quyển số (một) ngày 31/12/1977 đối với **Huỳnh Song H**, sinh ngày 21/11/1977, có tên cha là **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1959 và tên mẹ là **Huỳnh Bạch N**, sinh năm: 1956 do **Ủy ban nhân dân phường T, huyện T, Thành phố Hồ Chí Minh** cấp ngày 31/12/1977;

Bản sao giấy khai sinh số 645/1977 ngày 16/11/1977 đối với bà **Huỳnh Song H** thể hiện thông tin như sau: **Huỳnh Song H**, sinh ngày 15/11/1977; Tại mục Họ, chữ đệm, tên người mẹ: **Huỳnh Bạch N**, sinh năm: 1956, nơi cư trú A655, ấp chợ N1, xã T; H, chữ đệm, tên người cha: **Đề trống**; Họ, chữ đệm, tên người đi khai sinh: **Nguyễn Thị H1**; Nơi đăng ký khai sinh: **Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, Thành phố Hồ Chí Minh** (Bản sao do Phòng tư pháp thành phố Thủ Đức sao từ dữ liệu hộ tịch điện tử cấp ngày 20/4/2023).

Tòa án nhân dân đã tiến hành xác minh 02 giấy khai sinh nói trên tại **Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T** và Phòng Tư pháp **thành phố T**, kết quả trả lời có 02 giấy khai sinh nói trên. Tòa án nhận thấy: Toàn bộ giấy tờ tùy thân của bà **Huỳnh Song H** đều thể hiện ngày sinh là 15/11/1997 và bà **Huỳnh Bạch N** có lời khai chồng bà tên **Lê Văn T1**. Do đó, Tòa án có căn cứ xác định giấy khai sinh số

645/1977 ngày 16/11/1977 đối với **Huỳnh Song H**, sinh ngày 15/11/1977; Tại mục Họ, chữ đệm, tên người mẹ: **Huỳnh Bạch N**, sinh năm: 1956, nơi cư trú A655, ấp **chợ N1**, xã **T; H**, chữ đệm, tên người cha: **Đề trống**; Họ, chữ đệm, tên người đi khai sinh: **Nguyễn Thị H1**; Nơi đăng ký khai sinh: **Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, Thành phố Hồ Chí Minh** là có cơ sở. Do giấy khai sinh này mục tên cha để trống nên căn cứ khoản 6 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án không đưa ông **Lê Văn T1** vào tham gia tố tụng trong việc dân sự này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập đương sự, Quyết định mở phiên họp, Quyết định hoãn phiên họp cho các đương sự trong hồ sơ việc dân sự. Tuy nhiên, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà **Huỳnh Bạch N** vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành phiên họp theo thủ tục chung.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Ông **Hồ Văn D** yêu cầu xác định ông là cha ruột của bà **Huỳnh Song H**, sinh ngày 15/11/1977. Tòa án xét thấy: Ngày 14/6/2023, ông **Hồ Văn D** có đơn yêu cầu giám định gen ADN của bà **Huỳnh Song H**, sinh ngày 15/11/1977. Ngày 14/6/2023, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 3327/2023/QĐ – TCGĐ, yêu cầu Phân viện khoa học hình sự **Bộ C** tại Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện giám định ADN của ông **Hồ Văn D** và bà **Huỳnh Song H**, sinh ngày 15/11/2023 có cùng quan hệ huyết thống không? Ngày 10/7/2023, **V** đã có kết luận giám định số 4376/KL - KTHS kết luận: Ông **Hồ Văn D** và chị **Huỳnh Song H** có quan hệ huyết thống cha – con. Căn cứ quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 90 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu của ông **Hồ Văn D** về việc xác định ông **Hồ Văn D** là cha ruột của bà **Huỳnh Song H**, sinh ngày 15/11/1977 là có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu xác định bà **Huỳnh Thanh B**, sinh năm 1957 là mẹ ruột của bà **Huỳnh Song H**, sinh ngày 15/11/1977, Tòa án xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, ông **D** không cung cấp được mẫu giám định để thực hiện giám định ADN làm cơ sở xác định quan hệ huyết thống. Bà **Huỳnh Bạch N** không đồng ý cung cấp mẫu giám định để thực hiện giám định ADN. Do đó, chưa có căn cứ để xác định yêu cầu này của ông **D**. Do đó, Tòa án chưa có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông **Hồ Văn D** về việc xác định bà **Huỳnh Thanh B**, sinh năm 1957 là mẹ ruột của bà **Huỳnh Song H**, sinh ngày 15/11/1997. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

Đối với yêu cầu của bà **Huỳnh Song H** về việc hủy giấy khai sinh số 645/1977 tên **Huỳnh Song H**, sinh ngày 15/11/1977; Tại mục Họ, chữ đệm, tên người mẹ: **Huỳnh Bạch N**, sinh năm: 1956, nơi cư trú A655, ấp **chợ N1**, xã **T; H**, chữ đệm, tên người cha: **Đề trống**; Họ, chữ đệm, tên người đi khai sinh: **Nguyễn**

Thị H1; Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 16/11/1977, Tòa án xét thấy: Yêu cầu này của bà Huỳnh Song H được thực hiện tại phiên họp, sau khi Tòa án ban hành Quyết định mở phiên họp và yêu cầu này không nằm trong phạm vi đơn yêu cầu của ông Hồ Văn D nên Tòa án không xem xét yêu cầu này trong việc dân sự này theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về lệ phí việc dân sự:

Lệ phí việc dân sự: Người yêu cầu có đơn đề nghị miễn lệ phí do là người cao tuổi phù hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016) do đó, ông Hồ Văn D được miễn lệ phí việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm t khoản 2 Điều 39, Điều 361, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 90 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Hồ Văn D:

Tuyên bố ông Hồ Văn D, địa chỉ thường trú: Khu phố E, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương là bố ruột của bà Huỳnh Song H, sinh năm 15/11/1977.

Ông Hồ Văn D được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục về hộ tịch liên quan đến quyết định trên.

Không chấp nhận 01 phần yêu cầu của ông Hồ Văn D về việc xác định bà Huỳnh Thanh B, sinh năm 1957, địa chỉ thường trú cuối cùng Khu phố E, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương là mẹ ruột của bà Huỳnh Song H, sinh ngày 15/11/1977.

Dành cho bà Huỳnh Song H quyền khởi kiện trong vụ kiện khác nếu có yêu cầu về việc yêu cầu hủy giấy khai sinh.

2. Lệ phí việc dân sự: Ông Hồ Văn D được miễn lệ phí việc dân sự sơ thẩm do ông D là người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm án phí.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Quyết định này có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự:

Thời hạn kháng cáo của đương sự có mặt đối với Quyết định này là 10 (mười) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Trường hợp đương sự không có mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự thì thời hạn được tính từ ngày đương sự nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đối với Quyết định này là 10 (mười) ngày và của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là 15 (mười năm) ngày, kể từ ngày Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức ra quyết định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp. Thủ Đức;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Đức;
- Lưu VP, Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đã ký

Hà Thị Hoài